

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-N-2023
V/v: Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Dung
2. Bà Nông Thị Giới

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hùng Phong- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 0N năm 2023, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1N9/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 0N/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Huỳnh Thanh T, sinh năm 1972 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: 78/73B, T1, phường L, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Chị Đào Thị Thiên H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 78/73B, T1, phường L, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện nay: Tổ N, khu phố S, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Huỳnh Thanh T trình bày:***

Anh T và chị Đào Thị Thiên H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 có đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/1994 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Kết hôn lần đầu và kết hôn tự nguyện.

Sau khi kết hôn anh T và chị H sinh sống và làm ăn tại Ki-ốt buôn bán ở chợ B từ năm 199N đến năm 1997; từ năm 1998 đến năm 2003 vợ chồng anh T, chị H chuyển về sinh sống và làm ăn tại xã Q, huyện W, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên làm ăn thất bại nên anh T, chị H trở về thuê ki-ốt và buôn bán tại chợ B. Đến năm 2009, anh T và chị H xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên anh T về sống và làm việc tại địa chỉ 78/73B, T1, phường L, Quận N,

thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian từ năm 2009 đến năm 2015 anh T có đi về thăm vợ con, cho đến năm 2016 giữa anh T và chị H xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh T và chị H sống chung không còn hạnh phúc nên anh T chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh sống ly thân với chị H từ năm 2016 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nay anh T yêu cầu ly hôn với chị Đào Thị Thiên H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị H có 03 con chung tên Lê Đào Thiên Thanh, sinh ngày 14/01/1997; Lê Duy, sinh ngày 12/10/2000 và Lê Thanh Trúc, sinh ngày 30/11/2004. Các con chung của anh T và chị H đều đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn chị Đào Thị Thiên H vắng mặt.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đại hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập chị H lên làm việc, viết bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để làm cơ sở giải quyết vụ án nhưng chị H không thực hiện, không có ý kiến trình bày.

Biên bản xác minh ngày 10/3/2023, tại khu phố S, phường A, thị xã B, xác định: Chị H thuê nhà trọ Bảo Châu, địa chỉ tổ N, khu phố S, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước từ năm 2020 đến nay. Trong quá trình chị H sinh sống tại địa chỉ trên không sống chung với anh Lê Huỳnh Thanh T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều N8 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 201N, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đào Thị Thiên H có nơi cư trú tại: Tổ N, khu phố S, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Chị Đào Thị Thiên H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Huỳnh Thanh T và chị Đào Thị Thiên H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/1994 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh, theo đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh T và chị H là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, anh Lê Huỳnh Thanh T và chị Đào Thị Thiên H kết hôn với nhau nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống anh, chị bất đồng quan điểm không còn thương yêu nhau, quan tâm, trách nhiệm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân nhiều năm, nay anh T không mong muốn hàn gắn gia đình mà yêu cầu ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Huỳnh Thanh T, cho anh Lê Huỳnh Thanh T ly hôn với chị Đào Thị Thiên H.

[3] Về con chung: Các con chung của anh T, chị H đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập, Hội đồng xét xử không xem xét.

[N] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Lê Huỳnh Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Lê Huỳnh Thanh T. Anh Lê Huỳnh Thanh T được ly hôn với chị Đào Thị Thiên H.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh Lê Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002872 ngày 28/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND T Bình Phước;
- VKSND TX B;
- Các đương sự;
- CCTHADS TX B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Mai Phương